|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN** | **MA TRẬN ĐỀ**  **KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN ĐỊA LÝ - LỚP 9** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Vùng Đông Nam Bộ** | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Các trung tâm kinh tế của vùng | 4TN |  |  |  |  |  |  | 1TL | **2,33**  **điểm**  **23,3%** |
| **2** | **Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long** | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  – Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long | 4TN |  | **1TN** |  |  | 1TL |  |  | **3,66 điểm**  **36,6%** |
| **3** | **Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo** | - Vùng biển Việt Nam  - Các đảo và quần đảo  - Phát triển tổng hợp kinh tế biển  + Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản  - Du lịch biển đảo  - GTVT biển  - Khai thác và chế biến khoáng sản biển  - Bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo  + Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển đảo  + Các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển | 3TN |  |  | 1TL  (a,b) |  |  |  |  | **3 điểm**  **30%** |
| **4** | **Địa lí địa phương** | - Nắm được các đơn vị hành chính tỉnh Quảng Nam.  - So sánh điều kiện tự nhiên Đại Lộc với Quảng Nam. | 1TN |  | **2TN** |  |  |  |  |  | **1 điểm**  **10%** |
| ***Tỉ lệ*** | | | **40%** | | **30%** | | ***20%*** | | ***10%*** | | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN** | **BẢNG ĐẶC TẢ**  **KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN ĐỊA LÝ - LỚP 9** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **CHỦ ĐỀ** | **NỘI DUNG** | **MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ** | **SỐ CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ**  **1. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ** | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Các trung tâm kinh tế của vùng | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  – Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.  – Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng: công nghiệp, phát triển cây công nghiệp; du lịch và thương mại (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). | 4TN |  |  |  |
| **Vận dụng cao**  - Liên hệ thực tiễn đưa ra nhận định về hoạt động dịch vụ ở Đông Nam Bộ có sức hút mạnh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước |  |  |  | 1/2 TL  (b) |
| **2** | **2. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG** | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  – Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long | **Nhận biết**  - Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. | 4TN |  |  |  |
| Thông hiểu  -Hiểu được phù sa tạo nên bởi sông Mê Công |  | **1TN** |  |  |
| **Vận dụng**  - Biết xử lí số liệu, vẽ và phân tích biểu đồ cột hoặc thanh ngang để so sánh sản lượng thuỷ sản của Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng so với cả nước. |  |  | 1/2 TL  (a) |  |
| 3 | **3. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo** | - Vùng biển Việt Nam  - Các đảo và quần đảo  - Phát triển tổng hợp kinh tế biển  + Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản  - Du lịch biển đảo  - GTVT biển  - Khai thác và chế biến khoáng sản biển  - Bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo  + Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển đảo  + Các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển | **Nhận biết**  - Trình bày trên sơ đồ các bộ phận của vùng biển nước ta  - Sơ đồ các ngành kinh tế biển của nước ta.  - Biết được các đảo và quần đảo lớn : tên, vị trí. | 3TN |  |  |  |
| **Thông hiểu**  - Phân tích được ý nghĩa kinh tế của biển, đảo đối với việc phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng.  - Trình bày các hoạt động khai thác tài nguyên biển, đảo và phát triển tổng hợp kinh tế biển. |  | 1TL  (a,b) |  |  |
| **4** | **Địa lí địa phương** | - Nắm được các đơn vị hành chính tỉnh Quảng Nam.  - So sánh điều kiện tự nhiên Đại Lộc với Quảng Nam. | **Nhận biết** : đơn vị hành chính Quảng Nam. | **1TN** |  |  |  |
| **Thông hiểu:** so sánh ĐKTN Đại Lộc với Quảng Nam |  | **2TN** |  |  |
| **Số câu/ loại câu** | | | | 12 TN | 3 TN,  1 TL  (a,b) | 1/2 TL(a) | 1/2  TL(b) |
| **Tổng** | | | | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN**  ĐỀ CHÍNH THỨC    (*Đề gồm có 02 trang*) | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: ĐỊA LÝ – Lớp 9**  Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề) |

**I. TRẮC NGHIỆM****: (5,0 điểm)**

**Câu 1. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm mấy tỉnh, thành phố?**

A. 12 B. 13 C.14 D.15

**Câu 2. Các tỉnh, thành phố giáp biển của vùng Đông Nam Bộ?**

A. Đồng Nai, Bình Dương. B. Tây Ninh, Đồng Nai.

C. TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu. D. Bình Dương, Bình Phước.

**Câu 3. Đường bờ biển nước ta dài bao nhiêu km?**

A. 2360 km. B. 2500 km. C. 2632 km. D. 3260 km.

**Câu 4. Tỉnh nào dưới đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?**

A. Cà Mau. B. Bình Thuận. C. Bình Dương. D. Tây Ninh.

**Câu 5. Loại đất có ý nghĩa nhất đối với việc trồng lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:**

A. Đất mặn. B. Đất cát. C. Đất phèn. D. Đất phù sa ngọt.

**Câu 6. Thành phố có sức thu hút lao động nhất cả nước ở vùng Đông Nam Bộ là:**

A. TP. Hồ Chí Minh B. Biên Hòa.

C. Bà Rịa – Vũng Tàu. D. Thủ Dầu Một.

**Câu 7:** **2. Địa hình Đại Lộc có điểm giống với địa hình Quảng Nam là:**

1. Phần lớn diện tích là đồng bằng ven biển
2. Đồi núi và trung du chiếm phần lớn diện tích
3. Chủ yếu là núi cao trên 2500m
4. Toàn bộ là núi và trung du

**Câu 8:** **Vị trí địa lý Đại Lộc có điểm nào khác biệt với Quảng Nam:**

1. Nằm trong vùng nội chí tuyến B. Giáp biển

C.Giáp biển và giáp với nước Lào D. Không giáp biển và không giáp nước Lào

**Câu 9: Tỉnh Quảng Nam có bao nhiêu đơn vị hành chính?**

A.15 đơn vị hành chính. B. 18 đơn vị hành chính.

1. 17 đơn vị hành chính. D. 16 đơn vị hành chính.

**Câu 10. Cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào?**

A. Quảng Ngãi. B. Khánh Hoà. C. Nha Trang. D. Quảng Nam.

**Câu 11. Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở vùng Đông Nam Bộ là:**

A. Cà phê B. Điều. C. Cao su D. Hồ tiêu.

**Câu 12. Trung tâm kinh tế lớn nhất của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:**

A. Cà Mau. B. Long An. C. Sóc Trăng. D. Cần Thơ.

**Câu 13. Vùng biển Đông thuộc chủ quyền nước ta có diện tích khoảng:**

A. 1,0 triệu km2 B. 1,5 triệu km2 C. 2,0 triệu km2 D. 3,5 triệu km2

**Câu 14. Cho biết tỉnh nào không thuộc vùng Đông Nam Bộ?**

A. Đồng Nai. B. Long An. C. Bình Phước. D. Tây Ninh.

**Câu 15. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông?**

A. Sông Thái Bình. B. Sông Hồng. C. Sông Mê Công. D. Sông Đồng Nai.

**II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)**

**Câu 1. (2,0 điểm)**

a/ Tài nguyên vùng biển nước ta có thể phát triển những ngành kinh tế nào? (1,0 điểm)

b/ Phát triển tổng hợp kinh tế biển có ý nghĩa như thế nào đối với nền kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng của đất nước? (1,0 điểm)

**Câu 2. (3,0 điểm)**

Dựa vào bảng 37.1 *Tình hình sản xuất thủy sản ở Đồng bằng Sông Cửu Long và Đồng bằng Sông Hồng so với cả nước, năm 2017 (đơn vị %)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Sản lượng** | **Đồng bằng Sông Cửu Long** | **Đồng bằng Sông Hồng** | **Cả nước** |
| Cá biển (khai thác) | 36% | 5% | 100% |
| Cá nuôi | 71% | 16% | 100% |
| Tôm nuôi | 83% | 2% | 100% |

a/ Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở Đồng bằng Sông Cửu Long và Đồng bằng Sông Hồng so với cả nước (cả nước =100%). (2 điểm)

b/ Nhận xét tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở Đồng bằng Sông Cửu Long và Đồng bằng Sông Hồng so với cả nước? (1 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN ĐỊA LÝ - LỚP 9** |

**A. TRẮC NGHIỆM:** (5,0 điểm)Mỗi câu đúng đạt 0,33 điểm, 3 câu đúng đạt 1,0 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| **ĐA** | B | C | D | A | D | A | B | D | B | B | C | D | A | B | C |

**B. TỰ LUẬN:** (5,0 điểm)

| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Thang điểm** |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **a/ Tài nguyên vùng biển nước ta có thể phát triển những ngành kinh tế nào?** | **1,0 điểm** |
| - Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản.  - Du lịch biển – đảo.  - Khai thác và chế biến khoáng sản biển.  - Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển.  ***(Mỗi ý đúng đạt 0,25 điểm)*** | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **b/ Phát triển tổng hợp kinh tế biển có ý nghĩa như thế nào đối với nền kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng của đất nước?** | **1 điểm** |
| - Phát triển tổng hợp kinh tế biển cho phép khai thác tốt tiềm năng vùng biển nước ta đem lại hiệu quả kinh tế cao **(0,25 điểm)** và bảo vệ môi trường. **(0,25 điểm)**  - Phát triển tổng hợp kinh tế biển gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng, **(0,25 điểm)** bảo vệ chủ quyền của vùng biển nước ta. **(0,25 điểm)** | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 2** | **Dựa vào bảng 37.1:**  **a/ Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở Đồng bằng Sông Cửu Long và Đồng bằng Sông Hồng so với cả nước (cả nước =100%).** | **2,0 điểm** |
| Vẽ biểu đồ cột chồng đúng, đẹp, đủ các yếu tố. *(2,0đ)*  *(thiếu mỗi ý – 0,25 điểm)* |
| **b/ Nhận xét tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở Đồng bằng Sông Cửu Long và Đồng bằng Sông Hồng so với cả nước?** | **1,0 điểm** |
| **Nhận xét:**  - Năm 2017:  ***- Sản lượng thủy sản ở ĐB Sông Cửu Long chiếm tỉ trọng cao nhất so với cả nước:***  + Tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác chiếm 36%.  + Tỉ trọng sản lượng cá nuôi chiếm 71%.  + Tỉ trọng sản lượng tôm nuôi chiếm 83%.  ***- Sản lượng thủy sản ở ĐB Sông Hồng chiếm tỉ trọng khá thấp so với cả nước:***  + Tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác chiếm 5%.  + Tỉ trọng sản lượng cá nuôi chiếm 16%.  + Tỉ trọng sản lượng tôm nuôi chiếm 2%.  *Nhận xét đúng đủ đạt 1,0đ, nếu không có số liệu, thiếu 2 ý - 0,25đ* | 0,5 điểm  0,5 điểm |